



## ĐẶC ĐIỂM VỀ CẤU TRÚC THƠ LỤC BÁT CỦA LƯƠNG MINH CỪ

Nguyễn Lâm Điền<sup>1\*</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Tây Đô

\*Email: [nldien@ctu.edu.vn](mailto:nldien@ctu.edu.vn)

Ngày nhận bài: 05/01/2026; Ngày phản biện: 20/01/2026; Ngày duyệt bài: 27/01/2026

### TÓM TẮT

*Trong quá trình sáng tạo thơ, Lương Minh Cừ luôn ý thức sâu sắc việc tìm tòi đổi mới để mang lại nét đặc sắc cho thơ. Điểm nổi bật trong thơ ông nói chung, thơ lục bát nói riêng, không chỉ là tình yêu thương và niềm tin yêu cuộc đời, mà còn là nét mới ở nghệ thuật thể hiện. Thơ lục bát của Lương Minh Cừ có sự phong phú về nội dung và đa dạng, nhuần nhuyễn về hình thức thể loại. Những nét mới, nét riêng mà nhà thơ sáng tạo nên ở cấu trúc bài thơ, câu thơ của thể thơ này đã góp phần làm tăng thêm hiệu quả nghệ thuật và sức lay động sâu bền của bài thơ đối với người đọc.*

**Từ khóa:** *Thơ Lương Minh Cừ; thể thơ lục bát; cấu trúc bài thơ, cấu trúc câu thơ.*

### ABSTRACT

*The process of poetic creation, Luong Minh Cu has always been deeply conscious of exploring and innovating in order to bring distinctive qualities to his poetry. What stands out in his poetry in general, and in his six-eight poems in particular, is not only the love and trust he places in life, but also the novelty of his artistic expression. Luong Minh Cu's six-eight poetry is rich in content and diverse, refined in its use of poetic forms. The new and distinctive features that the poet has created in the structure of the poem and the structure of the verse within this form have contributed to enhancing its artistic effectiveness and the enduring emotional impact of the poems on the reader.*

**Key words:** *Luong Minh Cu's poetry; six-eight verse form; poem structure; verse structure.*



## 1. Mở đầu

Thể thơ lục bát là một trong những thể thơ truyền thống luôn có được vị trí xứng đáng trong tiến trình thơ Việt Nam hiện đại. Trải qua hàng thế kỉ, trước những biến động dữ dội của xã hội và văn chương, thể thơ lục bát vẫn luôn được các nhà thơ sử dụng và đạt được những thành công đặc sắc. Có thể nói, thể thơ này như dòng sữa mát lành góp phần nuôi dưỡng và làm nên sức sống cho thơ Việt Nam. Như một lẽ tất yếu, thơ lục bát luôn có sự vận động, đổi thay cả về nội dung và phương thức thể hiện để đáp ứng được nhu cầu thẩm mỹ của thời đại. Tìm hiểu thơ Lương Minh Cừ, chúng tôi nhận thấy, với hơn nửa thế kỉ sáng tạo thơ, trên mỗi chặng đường thơ, ông luôn có ý thức nỗ lực tìm tòi sáng tạo để làm nên nét đặc sắc cho thơ mình. Đặc biệt, ở thể thơ lục bát, ông đã có được nhiều bài thơ hay với những đổi mới, sáng tạo, làm cho thể thơ này tăng thêm khả năng biểu đạt và sức lay động tâm hồn người đọc. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi hướng đến việc khảo sát, luận giải để làm rõ những đặc điểm về cấu trúc thơ lục bát của Lương Minh Cừ và trên cơ sở đó, khẳng định những đóng góp đáng trân quý của nhà thơ cho tiến trình thơ lục bát Việt Nam hiện đại.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Thể thơ lục bát trên hành trình thơ Lương Minh Cừ

Thơ lục bát là thể thơ truyền thống có văn điệu uyển chuyển, nhịp nhàng, tha thiết, nên người đọc dễ nhớ, dễ thuộc và rất phù hợp với việc giải bày tâm tình. Tuy nhiên, để sáng tạo được một bài thơ lục bát hay không hề đơn giản, bởi nó đòi hỏi người sáng tác phải nắm bắt vững vàng đặc trưng của thể thơ này.

Thể thơ lục bát xuất hiện nhiều và phổ biến trong thơ ca dân gian Việt Nam. Bài thơ lục bát có thể dài, ngắn khác nhau và đan xen giữa câu sáu tiếng với câu tám tiếng, phối vần chặt chẽ với nhau để tạo thành từng cặp lục bát. Trong một số trường hợp, số tiếng trong câu thơ lục bát đôi khi có thể thêm, hoặc bớt ở một vài câu nhưng điều đó không phá vỡ

cấu trúc chung của bài thơ. Quy tắc cơ bản của cặp lục bát là các tiếng thứ 2, 6, 8 mang thanh bằng, tiếng thứ 4 mang thanh trắc, còn lại có thể tự do. Vần của thơ lục bát là vần chân đan xen với vần lưng. Tiếng cuối của câu lục vần với tiếng thứ sáu của câu bát, còn tiếng cuối của câu bát vần với tiếng cuối của câu lục tiếp theo. Nhịp của thơ lục bát thường là nhịp chẵn và cũng có khi được ngắt nhịp lẻ. Cần khẳng định, với thể thơ lục bát, nhà thơ không bị giới hạn trong việc tìm tòi, sáng tạo về vần, thanh và nhịp để tăng thêm hiệu quả nghệ thuật cho bài thơ.

Trong thơ ca Việt Nam trung đại, đỉnh cao của nghệ thuật sử dụng thể thơ lục bát được thể hiện tài hoa và sinh động ở Truyện Kiều của Nguyễn Du. Còn trong thơ ca Việt Nam hiện đại, thể thơ lục bát được nhiều nhà thơ ưa chuộng và sử dụng, bởi câu thơ lục bát có sự mềm mại, uyển chuyển nên rất phù hợp với việc tâm tình. Thực tế sáng tác cho thấy, trong phong trào Thơ Mới (1932 – 1945) – một cuộc cách mạng thơ ca, có những biến đổi dữ dội về nội dung và hình thức thể loại, thì thể thơ lục bát vẫn giữ được vị thế xứng đáng. Khi khảo sát tuyển thơ Thi nhân Việt Nam của Hoài Thanh và Hoài Chân, chúng tôi nhận thấy, thơ lục bát vẫn chiếm tỉ lệ cao với 15% (25 bài/ 168 bài) và chỉ đứng sau thể thơ 7 tiếng và 8 tiếng dù thời điểm này có sự xuất hiện của nhiều thể thơ khác. Còn trong tuyển tập Thơ Việt Nam thế kỉ XX: thơ trữ tình do Nguyễn Bội Vội, Quang Huy, Vũ Quần Phương tuyển chọn và giới thiệu có 139 bài/ 620 bài được viết theo thể lục bát chiếm tỉ lệ 22,42%. Tỉ lệ đó cho thấy, sức sống và sức hấp dẫn của thể thơ lục bát đối với các nhà thơ hiện đại luôn mạnh mẽ. Đó cũng là một biểu hiện về ý thức nguồn cội, rất dân tộc của các nhà thơ trong quá trình sáng tạo thơ. Bởi thế, cho đến nay, dù trên thi đàn Việt Nam xuất hiện nhiều thể thơ mới, nhưng thơ lục bát vẫn giữ một địa vị quan trọng. Người đọc vẫn yêu thích thơ lục bát và nhiều nhà thơ Việt Nam hiện đại đã có được những thành công đặc sắc ở thể thơ này. Tiêu biểu là các bài thơ như: Thề non nước của Tản Đà, Tương



tư, Người hàng xóm của Nguyễn Bình, Việt Bắc, Nước non ngàn dặm của Tố Hữu, Tre Việt Nam và Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa của Nguyễn Duy, ...

Tìm hiểu thơ của Lương Minh Cừ, qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy, nhà thơ ý thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc lựa chọn,

sử dụng thể thơ phù hợp với đối tượng trữ tình và nội dung thể hiện trong quá trình sáng tạo. Từ ý thức nghệ thuật đó, nhà thơ đã sử dụng linh hoạt, hợp lí nhiều thể thơ để góp phần làm tăng thêm hiệu quả nghệ thuật cho bài thơ. Qua việc thống kê về thể thơ trong 5 tập thơ của Lương Minh Cừ, chúng tôi thu được kết quả sau:

Tập thơ \ Thể thơ	4 chữ	5 chữ	6 chữ	7 chữ	8 chữ	Lục bát	Tự do	Thể khác	Tổng bài
<i>Chân trời vùng sâu</i> (1976)	1	5	0	0	2	19	7	2	36
<i>Bất chợt mùa xuân</i> (2007)	1	8	0	5	2	23	33	0	72
<i>Nụ tầm xuân</i> (2015)	0	8	1	10	0	12	14	2	47
<i>Anh đi giữa mùa hoa tam giác mạch</i> (2023)	2	4	0	6	3	10	16	4	45
<i>Đọc trời hoa lửa</i> (2025)	2	7	0	4	6	9	24	0	52
Tổng cộng các thể thơ	6	32	1	25	13	73	94	8	252
Tỉ lệ (%)	2,4	12,7	0,4	10	5,2	29	37	3,3	100

Kết quả thống kê trên cho thấy, trong quá trình sáng tác thơ, Lương Minh Cừ đã sử dụng nhiều thể thơ khác nhau, đó là: thể thơ 4 chữ, 5 chữ, 6 chữ, 7 chữ, thể thơ tám chữ, thể lục bát, thể bốn câu (hay còn có thể gọi là tứ tuyệt hiện đại) và thể tự do. Theo chúng tôi, Lương Minh Cừ đã thể nghiệm ở nhiều thể thơ và ở mỗi thể thơ đều có được sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa truyền thống với đổi mới trong cách sử dụng. Trong từng mức độ nhất định, ở thể thơ nào ông cũng có ý thức làm mới hình thức của nó nhằm góp phần gia tăng khả năng biểu đạt tư tưởng, tình cảm và để phù hợp hơn với nhu cầu thẩm mĩ của thời đại. Thực tế sáng tác thơ của ông cho thấy, những thể nghiệm về thể loại đã giúp nhà thơ có được những bài thơ hay. Sự thể nghiệm đó, theo chúng tôi, là điều tất yếu trong quá trình vận động, phát triển của thơ Lương Minh Cừ nói riêng và thơ Việt Nam hiện đại nói chung, cho nên về hình thức thể loại của thơ ông bên cạnh điểm chung còn có nét riêng.

Với thể thơ lục bát, chúng tôi nhận thấy, Lương Minh Cừ sử dụng khá nhiều, so với những thể thơ khác. Kết quả khảo sát ở bảng trên đã chỉ ra, thơ lục bát có tỉ lệ 29% (73

bài trong tổng số 252 bài khảo sát từ 5 tập thơ nói trên), đứng thứ hai sau thể thơ tự do (37%). Đặc biệt, ở 2 tập thơ đầu *Chân trời vùng sâu* (32%) và *Bất chợt mùa xuân* (53%), tỉ lệ thể thơ lục bát được ông sử dụng nhiều hơn các tập thơ còn lại. Kết quả này cũng đồng thời minh chứng được cảm xúc thẩm mĩ và sở trường của nhà thơ trong việc sử dụng thể thơ này.

Thơ lục bát của Lương Minh Cừ hướng đến việc tâm tình giải bày những điều bình dị, gần gũi trong đời sống tình cảm. Những câu thơ lục bát của ông tuy ít trau chuốt nhưng bao giờ cũng toát lên vẻ đẹp chân tình trong cách nhìn, cách cảm thấm đượm lòng yêu đời, yêu người. Mặt khác, ông có ý thức làm mới và biết cách làm mới thể thơ lục bát không chỉ trong nội dung biểu đạt mà còn ở hình thức biểu đạt. Điều đó đã giúp nhà thơ có được sự thành công đặc sắc ở thể thơ này. Nhiều bài thơ lục bát của ông đã để lại dấu ấn sâu đậm trong tâm hồn người đọc bởi có sự quyện hòa khéo léo giữa yếu tố truyền thống và hiện đại. Tiêu biểu có thể nói đến các bài thơ lục bát như: *Tôi sinh ra ở làng Đông, Cảnh đào xưa, Bất chợt mùa xuân, Lục bát bên một dòng*



sông, Lục bát Tháp Mười, Xin em, Nhớ tết quê xưa, Ngược chiều,...

Có thể nói, thể thơ lục bát có một vị trí quan trọng trong quá trình sáng tạo thơ của Lương Minh Cừ và được ông sử dụng nhiều, cách sử dụng cũng rất đa dạng, nhuần nhuyễn trên suốt hành trình thơ. Hơn nữa, việc sử dụng thể thơ lục bát của ông luôn linh hoạt, uyển chuyển phù hợp với đối tượng trữ tình, nhất là khi trữ tình tâm tình về tình yêu quê hương, đất nước; tình yêu lứa đôi và tình cảm gia đình,...

## 2.2. Đặc điểm về cấu trúc bài thơ lục bát của Lương Minh Cừ

Đến với thơ lục bát của Lương Minh Cừ, chúng tôi nhận thấy, cấu trúc bài thơ lục bát của ông có sự chặt chẽ về thanh, nhịp và cách gieo vần của thơ lục bát truyền thống, nhưng mặt khác còn có những kế thừa sáng tạo ở những phương diện khác của cấu trúc bài thơ.

Trước hết, đó là độ dài ngắn của bài thơ lục bát. Thơ lục bát của ông, bài thơ ngắn nhất có 4 câu thơ như bài Ngược chiều, Qua cầu nhớ đất và bài thơ dài nhất có 42 câu thơ như bài Lại về quê ấy Củ Chi. Đặc điểm dễ nhận ra là phần lớn những bài thơ lục bát của ông có độ dài trong khoảng từ 8 đến 22 câu thơ. Điều này cho thấy, ở thể thơ này, ông luôn hướng đến sự ngắn gọn trong cách tâm tình mà vẫn gửi gắm được những nỗi niềm tình cảm muốn giải bày. Độ ngắn gọn đó của một bài thơ lục bát, theo chúng tôi, đáp ứng được nhu cầu thâm mỹ, phù hợp với tâm lý của người đọc và người nghe.

Thơ lục bát của Lương Minh Cừ ngoài một số bài thơ có 4 câu, các bài còn lại đều được phân thành khổ thơ, đoạn thơ. Đặc điểm đáng chú ý là cách phân khổ thơ, đoạn thơ trong thơ lục bát của ông rất đa dạng, cụ thể là các dạng sau:

(1) Mỗi khổ thơ chỉ có 2 câu thơ, biểu hiện ở các bài: Một khoảng trời Lào, Đêm đã chiến nghỉ trong vườn trầu Hóc Môn, Phú Hòa Đông, Một thoáng ở vàm sông ghi dọc đường chiến dịch, Có đôi chim nhỏ yêu nhau, Nhớ và nghĩ,...

(2) Mỗi khổ thơ có 4 câu thơ, biểu hiện ở các bài: Nói với rừng, Qua cầu Rạch Sơn, Thắng trận nghe tiếng ve trong vườn Tao Đàn, Màu pháo bông trên bến Bạch Đằng,...

(3) Mỗi khổ thơ có 6 câu thơ, biểu hiện ở bài: Gửi bạn xuống vùng sâu, Lục bát bên một dòng sông,...

(4) Có nhiều bài thơ lục bát mỗi khổ 4 câu thơ nhưng riêng khổ cuối lại là 2 câu thơ như các bài: Tôi sinh ra ở làng Đông, Bây giờ... bắt chợt, Hương rừng, Cánh đào xưa, Bắt chợt mùa xuân, Ở rừng le, Nhớ Tết quê xưa, Qua cánh Đồng Chum, Viết bên thành quan năm, Xin em,...

(5) Có những bài thơ cả khổ mở đầu và khổ kết thúc đều là 2 câu thơ, còn lại trong bài là khổ 4 câu thơ, 6 câu thơ, hay 8 câu thơ như các bài: Với Trường Sa, Khoảng rừng thưa và bầy chim gáy,...

(6) Có sự xuất hiện của một vài bài thơ lục bát có 4 câu thơ như: Ngược chiều, Qua cầu nhớ đất,...

(7) Có sự đan xen giữa khổ 4 câu thơ và khổ 6 câu thơ trong một bài như: Em về lễ hội chùa Keo, ...

(8) Có bài thơ lục bát được phân thành những đoạn thơ có số lượng câu thơ khác nhau: 6 câu/ 8 câu/ 12 câu như bài Lại về quê ấy Củ Chi.

Từ các dạng nói trên, chúng tôi nhận thấy, cách phân khổ, phân đoạn trong thơ lục bát của Lương Minh Cừ rất đa dạng, linh hoạt phù hợp với đối tượng và nội dung trữ tình, nhất là tránh được sự đơn điệu trong hình thức cấu trúc bài thơ. Mặt khác, các ý thơ được thể hiện rõ ràng, mạch lạc trong nội dung trữ tình. Cách phân chia khổ thơ, đoạn thơ như vậy phần nào đã thể hiện được một phương diện trong tư duy nghệ thuật và ý đồ nghệ thuật của nhà thơ.

Nhìn chung, những thay đổi cấu trúc bài thơ lục bát nói trên đã góp phần làm mới hình thức cho bài thơ. Mặt khác, điều này cũng cho thấy, bên cạnh việc kế thừa đặc điểm hình thức của thơ lục bát truyền thống, Lương Minh Cừ luôn ý thức tìm tòi những



dạng thức mới khi sáng tác bằng thơ lục bát để có thể làm mới và làm tăng thêm hiệu quả nghệ thuật khi sử dụng thể thơ này.

Trong thơ lục bát Việt Nam hiện đại, việc ngắt câu xuống dòng của thơ lục bát được nhiều nhà thơ sử dụng với những mức độ và cách thức khác nhau, nhằm góp phần tăng thêm hiệu quả nghệ thuật cho câu thơ. Câu thơ lục bát vì thế có thể co giãn linh hoạt theo cung bậc cảm xúc và mạch vận động của cái tôi trữ tình. Theo hướng vận động và biến đổi đó, cách ngắt câu xuống dòng cũng được Lương Minh Cừ sử dụng để tối ưu hóa khả năng diễn tả tâm tình của nhân vật trữ tình trong bài thơ lục bát. Người đọc dễ nhận ra đặc điểm cấu trúc này trong thơ lục bát của ông. Ở bài thơ *Lãng mạn hoàng hôn*, với những câu thơ lục bát được ngắt câu xuống dòng, nhà thơ đã tạo nên hình thức mới cho cấu trúc câu thơ:

“Hoàng hôn,  
vợ vẫn anh tìm  
Em trốn đâu giữa im lìm,  
cỏ hoa?  
Phải chi  
nín được chiều tà  
Thêm hư vô để trời xa,  
Xuống gần.  
Hoàng hôn  
run rẩy bước chân  
Bàn tay lỡ nhịp, xa dần...  
Em đâu?”

(*Lãng mạn hoàng hôn*)

Những câu thơ lục bát được xuống dòng ngắt câu rất linh hoạt, khi ngắt ở câu lục, khi ngắt ở câu bát, phù hợp với sự vận động của cái tôi trữ tình. Cụ thể là câu lục được ngắt thành hai dòng với số tiếng ở dòng đầu là 2 và dòng hai là 4; còn câu bát cũng được ngắt thành hai nhưng dòng đầu số tiếng là 6 và dòng hai là 2. Việc phá vỡ một cặp lục bát để tạo thành 4 dòng thơ đã làm cho câu thơ lục bát có thêm sức diễn tả chính xác cung bậc nỗi niềm của cái tôi trữ tình trong tình yêu, đó là niềm khao khát, trả lời: “phải chi/ nín được chiều tà”, sự tiếc nuối: “lỡ nhịp, xa dần” và đồng thời, tạo cho câu thơ thêm mềm mại,

uyên chuyên hơn trong hình thức thể hiện.

Kiểu biến đổi cấu trúc câu thơ lục bát nói trên còn được nhà thơ sử dụng ở một số bài thơ khác như bài: *Nụ tầm xuân*, *Điều tôi chưa hiểu*, *Hoa lửa Chiềng Mai*,... Xin đơn cử đoạn thơ sau:

“*Nụ tầm xuân  
chúm chím rồi  
Anh đi  
cuối đất cùng trời  
long đong ...  
Chiến trường  
ai dám hẹn mong  
Nụ tầm xuân  
vẫn sắc hồng  
mảnh mai*”.

(*Nụ tầm xuân*)

Câu lục trong cặp lục bát của đoạn thơ trên được chia thành hai dòng, mỗi dòng 3 tiếng và câu bát được chia thành 3 dòng với 2 dạng: dạng thứ nhất, thứ tự dòng một: 2 tiếng, dòng hai: 4 tiếng và dòng ba: 2 tiếng; dạng thứ hai, thứ tự dòng một và dòng hai mỗi dòng 3 tiếng, còn dòng ba 2 tiếng. Có thể nói, sự ngắt câu xuống dòng nói trên đã biểu hiện được mạch cảm xúc, chiều sâu tâm trạng của người lính trẻ trước cái đẹp dịu dàng, duyên dáng của “*nụ tầm xuân/ chúm chím rồi*” nhưng đành phải đành lòng không “*dám hẹn mong*” khi xa cách người yêu thương để đến với chiến trường. Sự biến đổi này càng làm cho câu thơ có thêm sức gợi tả, gợi liên tưởng mạnh mẽ cho người đọc. Cách cấu trúc câu thơ như vậy đã thể hiện được sự sáng tạo nghệ thuật của nhà thơ và điều đó góp phần làm nên cái âm điệu đầm thắm thiết tha trong tình cảm của cái tôi trữ tình về tình yêu lứa đôi.

Với cách ngắt câu xuống dòng nói trên, câu thơ lục bát của thơ Lương Minh Cừ đã có sự vượt thoát khỏi khuôn khổ của câu thơ lục bát truyền thống để có được dáng vẻ mới phù hợp với cung bậc cảm xúc của cái tôi trữ tình. Cấu trúc bài thơ được khoác lên chiếc áo mới nhờ cách ngắt câu xuống dòng. Đó cũng chính là một cách thức để bài thơ lục



bát có thêm sức sống mới và phát triển hòa nhịp cùng với diễn ngôn mới của thơ Việt Nam hiện đại.

Cùng với cách ngắt câu xuống dòng nói trên, cách sử dụng dấu câu trong câu thơ thơ lục bát của Lương Minh Cừ cũng là một đặc điểm nổi bật. Câu thơ lục bát có sự xuất hiện khá nhiều dấu ba chấm (...), dấu hỏi (?), dấu chấm (.) và dấu gạch nối (-). Hình thức này được nhà thơ sử dụng đã góp phần làm cho câu thơ diễn tả chính xác và sinh động hơn cái âm hưởng đầm thắm thiết tha và đậm nỗi niềm băn khoăn, trăn trở của cái tôi trữ tình.

Trong đoạn lục bát sau, khi hồi ức về cảnh Tết ở làng quê xưa, nhà thơ đã hai lần sử dụng dấu ba chấm (...) có sự kết hợp với sử dụng dấu hỏi (?) nhằm làm cho ý thơ có thêm sức gợi mở nỗi nhớ về cảnh Tết quê xưa với bao kỉ niệm sâu đậm của tuổi thơ và cả niềm trăn trở khi nghĩ về cuộc đời “bây em nhỏ ấy” bây giờ ra sao:

“Tết quê rộn rã tiếng cười  
Có bây trẻ nhỏ phá trời ... gheo nhau  
Cùng khoe áo mới muôn màu  
Bây em nhỏ ấy ... ở đâu bây giờ?”  
(Nhớ Tết quê xưa)

Hay để giải bày về một mối tình đã qua, sau “nửa đời” nay mới có dịp gặp lại nhau, nhà thơ đã sử dụng dấu ba chấm và dấu hỏi trong cùng một câu thơ để làm tăng thêm sức gợi mở về nỗi niềm trăn trở, sự tiếc nuối của cái tôi trữ tình khi nhớ về những kỉ niệm đẹp của một mối tình thời tuổi trẻ; đồng thời, khẳng định điều đó bao giờ cũng đẹp và vẫn vương mãi:

“Nửa đời người, mới gặp nhau  
Ngày xưa...ai biết có bầu trời xanh?  
Hở em, đất ngọt, mây lành  
Sao em vương giữa đời anh, ngược chiều.”  
(Ngược chiều)

Ngoài dấu ba chấm (...) và dấu hỏi (?), Lương Minh Cừ còn có cách làm mới hình thức thể loại bằng những câu thơ lục bát có dấu gạch nối (-), chẳng hạn:

- “Chùa Keo xưa - thoáng nắng gầy”  
(Em về lễ hội chùa Keo)

- “Một vùng xanh - tiếng súng rền”  
(Giờ G cao điểm)  
- “Ván vương - trầu - mảnh dây leo tay mềm”  
(Đêm dã chiến nghỉ trong vườn trầu Hóc Môn)  
- “Em - khẩu súng với con xuồng - qua sông”  
- “Em - bé nhỏ - mảnh trăng liềm - riêng anh”?  
(Nhớ và nghĩ)  
- “B52 - rạch nát trời Củ Chi”  
(Lại về quê ấy Củ Chi)  
- “Em - cánh chim của chiến trường sục sôi”  
(Cô biệt động Sài Gòn và chùm hoa màu đỏ)  
- “Trái dưa mát lạnh - quà đồng mẹ trao ...”  
(Nghĩ về trái dưa đồng)

Dấu gạch nối được nhà thơ sử dụng trong câu thơ lục bát có khi một lần, có khi hai, hay ba lần theo trạng thái cảm xúc và không chỉ nhằm làm rõ, nhấn mạnh ý thơ, mà còn góp phần làm tăng sắc thái biểu cảm, gợi liên tưởng về cái đẹp của cảnh sắc và con người trong câu thơ. Xin đơn cử, trường hợp về dấu gạch nối được sử dụng trong câu thơ: “Em – khẩu súng với con xuồng – qua sông” và “Em – bé nhỏ - mảnh trăng liềm – riêng anh”? (Nhớ và nghĩ). Dấu gạch nối ở hai câu thơ này đã giúp nhà thơ tái hiện được một cách rõ nét chân dung cô giao liên dũng cảm dẫn đường cho bộ đội qua sông. Với cái tôi trữ tình, chân dung đó đậm đà chất lãng mạn của tình yêu và nỗi nhớ không thể nào quên. Hay trong câu thơ: “Trái dưa mát lạnh – quà đồng mẹ trao ...”, đằng sau dấu gạch nối là sự nhấn mạnh quà mẹ trao cho con không đơn giản là trái dưa, mà là trao cả tấm lòng yêu thương, tình quê giản dị mẹ dành cho con.

Bên cạnh cách sử dụng các dấu câu đã được trình bày trên, chúng tôi còn nhận thấy, câu thơ lục bát của ông thỉnh thoảng còn có sự xuất hiện việc sử dụng dấu chấm (.) trong câu thơ:

“Đứng bên bờ ấy đợi đò  
Tôi nghe vút một câu hò. Bỗng dừng.  
Nước phù sa ngọt quá chừng,  
Mà tôi lạ lại cứ mừng. Giọng em”  
(Lục bát bên một dòng sông)

Quả thật, dấu chấm được nhà thơ sử dụng trong 2 câu bát ở trên không chỉ làm cho câu



trúc câu thơ thay đổi, câu thơ có thêm nét mới, mà còn tạo nên sự lắng đọng cho ý thơ trong việc góp phần diễn tả niềm vui, sự xúc động và niềm hạnh phúc của cái tôi trữ tình khi gặp lại người xưa, khi được nghe âm thanh giọng em nói, tiếng em cười...

Rõ ràng, việc nhà thơ sử dụng các dấu ba chấm, dấu hỏi, dấu gạch nối và dấu chấm đã góp phần tạo nên hiệu quả nghệ thuật cho câu thơ. Điều này không chỉ nhằm góp phần thể hiện cung bậc cảm xúc, những sắc thái biểu cảm, mà còn làm mới cấu trúc câu thơ và tăng thêm sức gợi cảm, gợi liên tưởng cho ý thơ.

Đặc điểm về cấu trúc câu thơ lục bát của Lương Minh Cừ còn được thể hiện ở cách ngắt nhịp. Như đã trình bày trên, nhịp trong thơ lục bát truyền thống thường là nhịp chẵn. Trong thơ lục bát của Lương Minh Cừ, cách ngắt nhịp cũng được nhà thơ sử dụng linh hoạt, sáng tạo và lẽ tất yếu, mỗi cách ngắt nhịp sẽ đưa lại một hiệu quả nghệ thuật riêng. Chẳng hạn, ở đoạn thơ sau, cách ngắt nhịp câu thơ có sự kết hợp giữa nhịp chẵn của thơ lục bát truyền thống và nhịp lẻ của thơ lục bát hiện đại:

“Người đi / chân bước không đành  
Bóng tre xanh, / khuất bóng màn.../ nhìn theo  
Em về / lễ hội / quê chèo,  
Đừng vô tình, / dấu chùa Keo.../ vô thường”  
(Em về lễ hội chùa Keo)

Cách ngắt nhịp nói trên cũng là một biểu hiện về sự kế thừa và sáng tạo trong cách nhịp của thơ lục bát Lương Minh Cừ so với thơ lục bát truyền thống. Nhịp chẵn và nhịp lẻ cùng được phối hợp sử dụng hợp lý đã góp phần làm cho đoạn thơ trên diễn tả được một cách sinh động tình cảm lưu luyến và đắm thắm thiết tha của cái tôi trữ tình khi về lễ hội Chùa Keo.

Có thể nói, từ đặc điểm cấu trúc câu thơ lục bát trong thơ Lương Minh Cừ, chúng tôi cho rằng, câu thơ lục bát của ông luôn có được sự nhịp nhàng, mềm mại và uyển chuyển khi giải bày những cung bậc của cảm xúc, tâm tình, cũng vì thế mà nó có thêm sức dư ba.

### 3. Kết luận

Trong thơ Việt Nam hiện đại, thơ lục bát không chỉ có sự thay đổi về nội dung, mà còn có sự biến đổi về hình thức thể loại để tồn tại và phát triển. Thực tế sáng tác đã cho thấy, sức sống và sự vượt lên mạnh mẽ của thể thơ lục bát hiện đại. Thơ lục bát của Lương Minh Cừ được ra đời trong bối cảnh chung đó và có được nét mới để làm nên sắc thái riêng. Những biến đổi về cấu trúc bài thơ, câu thơ lục bát được trình bày nói trên đã minh chứng sinh động cho điều đó.

Nhìn chung, Lương Minh Cừ luôn thủy chung, có duyên với thể lục bát và ông biết sử dụng thể thơ này một cách hợp lý để góp phần tạo nên hiệu quả nghệ thuật cho bài thơ. Cũng vì lẽ đó, khi đến với thơ lục bát của Lương Minh Cừ, người đọc có thể cảm nhận rõ hơn cái tình đắm thắm, ngọt ngào và niềm tin yêu cuộc đời, cũng như những suy tư của một tâm hồn thơ thấm đượm tính nhân văn./

*Cần Thơ, 12 – 2025.*

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cừ, L.M. (1976), *Chân trời vùng sâu*, Phòng Tuyên huấn Cục Chính trị, Bộ Tư lệnh khu Sài Gòn – Gia Định – Chợ Lớn.
- Cừ, L.M. (2007), *Bát chợt mùa xuân*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- Cừ, L.M. (2015), *Nụ tâm xuân*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- Cừ, L.M. (2023), *Anh đi giữa mùa hoa tam giác mạch*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- Cừ, L.M. (2025), *Đọc trời hoa lila*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- Bằng, N.H., Bích, L.N. (Chủ biên, 2025), *Chân dung thơ Lương Minh Cừ*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- Hán, L.B., Sử, T.Đ., Phi, N.K (Chủ biên, 1992), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Thanh, H. và Chân, H. (1968), *Thi nhân Việt Nam*, NXB Hoa Tiên, Sài Gòn.
- Vợi, N.B., Huy, Q., Phương, V.Q. (Tuyển chọn và giới thiệu, 2008), *Thơ Việt Nam thế kỉ XX: thơ trữ tình*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

